

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 70/2019/HSST
Ngày: 29-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Bà Nguyễn Thị Hảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 79/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành C** (tên gọi khác: không), sinh năm 1989; giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Ấp T, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Minh K, sinh năm: 1957 (chết) và bà: Ngô Thị S, sinh năm: 1957; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo có vợ tên Bùi Thị Kim T, sinh năm: 1988 và 02 người con, người lớn sinh năm 2010 và người nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019 cho đến nay, “có mặt”.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

- Bà Phạm Thị Thân, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Thanh Sơn, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*** Người làm chứng:** Ông Đỗ Đình C1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 12, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành C và một người tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau và cả hai cùng nghiện ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 14/8/2019, lúc này C đang ở nhà mình tại ấp T, xã T1, huyện H thì Bảo đến nhà chơi, sau đó Bảo cho C 01 đoạn ống nhựa màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng thì C cất dấu trong túi quần của mình. Đến 16 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô 93T6-4145 từ nhà mình qua xã L, huyện P để đón con. Khi đi đến gần cây xăng “Ngọc Toàn” thuộc thôn 12, xã L, huyện P thì bị lực lượng C an kiểm tra nên C bỏ xe chạy khoảng 05 m thì bắt quả tang, thu giữ phía dưới chân C 01 đoạn ống nhựa màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá tiến hành niêm phong, có chữ ký Nguyễn Thành C; 01 điện thoại di động hiệu FPT màu trắng và 01 xe mô tô biển số 93T6 – 4145 (bút lục: 02).

Tại Bản kết luận số 197/2019/GĐ-MT, ngày 22/8/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 01 đoạn hút nhựa màu vàng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1474 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản cáo trạng số 75/QĐ-KSĐT ngày 13 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thành C khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; vật chứng của vụ án; kết luận giám định chất ma túy thu giữ được. Trên cơ sở đó đã xác định được: Bị cáo Nguyễn Thành C là đối tượng nghiện ma túy, ngày 14/8/2019, C được một người tên Bảo (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cho 01 ống nhựa màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng được hàn kín hai đầu. C cất giấu trên người mang từ huyện H đến huyện P với mục đích sử dụng. Khi đến thôn 12, xã L, huyện P thì bị bắt quả tang. Qua khám xét thu giữ ma túy do C cất giữ có khối lượng là 0,1474 gam, loại Methamphetamine. Bị cáo C phải chịu trách nhiệm về khối lượng chất ma túy là 0,1474 gam.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C thực hiện đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức về tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy sẽ gây ảnh hưởng rất xấu đối với sức khỏe con người và là nguyên nhân trực tiếp gây ra nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị xử lý nghiêm trước pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi cất giấu ma túy để sử dụng. Khối lượng chất ma túy do bị cáo tàng trữ lớn. Hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cao. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, phần hình phạt là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với người tên Bảo là người cho C số ma túy trên (chưa rõ nhân thân lai lịch). Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- C an huyện P chưa làm việc được do đó cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động phổ thông, C việc không ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ nên không đặt ra hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy thu giữ được hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.
- Đối với 01 điện thoại di động FPT màu đen trắng. Quá trình điều tra chứng minh được là tài sản riêng của C không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho C.
- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93T6-4145. Qua tra cứu chiếc xe này do bà

Nguyễn Thị Cẩm H; SN: 1977, HKTT: ấp 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ sở hữu. Năm 2010 bà H bán xe này cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai (không làm làm giấy mua bán), sau đó người đàn ông này bán lại cho bà Phạm Thị T, sinh năm: 1978; chỗ ở: ấp T, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Phước (không làm làm giấy mua bán). Ngày 13/8/2019, C mượn của Thân trong quá trình C sử dụng vào phạm tội T không biết. Tuy nhiên do chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu do đó cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành C 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14-8-2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy thu giữ được hoàn lại sau giám định.

- Tuyên trả lại 01 điện thoại di động FPT màu đen trắng cho Nguyễn Thành C.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0011637, quyển số 0233, ngày 12/11/2019 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P)

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- CA huyện P;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Đỗ Tấn Trường